

2. Các dự án đầu tư đang hưởng ưu đãi đầu tư theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư đã cấp trước ngày Nghị định số 7/1998/NĐ-CP có hiệu lực, nếu cơ sở sản xuất, kinh doanh xét thấy đủ điều kiện để có thể hưởng các ưu đãi bổ sung về miễn, giảm tiền thuê đất quy định tại Điều 27, Điều 28; ưu đãi về thuế nhập khẩu quy định tại Điều 37; ưu đãi về giảm thuế tài nguyên quy định tại Điều 38 của Nghị định số 7/1998/NĐ-CP thì gửi văn bản đề nghị đến cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư để được xem xét cấp hay từ chối cấp các ưu đãi đầu tư bổ sung theo quy định tại Điều 50 của Nghị định số 7/1998/NĐ-CP.

V. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG TRỢ GIÚP VÀ ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ

Định kỳ 6 tháng một lần (vào ngày 20 tháng 6 và 20 tháng 12), Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý khu công nghiệp cấp tỉnh báo cáo tình hình cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, tình hình thực hiện trợ giúp và ưu đãi đầu tư trên địa bàn, kiến nghị những vấn đề phát sinh cần xử lý gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo lên Chính phủ.

VI. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký. Thông tư này thay thế Thông tư số 6/UB-QLKT ngày 27-9-1995 của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước quy định trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư theo Luật Khuyến khích đầu tư trong nước và Văn bản số 2367/BKH-QLKT ngày 27-5-1996 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn bổ sung, sửa đổi một số điểm trong Thông tư số 6/UB-QLKT.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, các cơ sở sản xuất, kinh doanh kịp thời phản ánh để Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung những nội dung đã hướng dẫn cho phù hợp.

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư

TRẦN XUÂN GIÁ

THÔNG TƯ số 3/1998/TT-BKH ngày 27-3-1998 hướng dẫn thực hiện Quyết định số 52/1998/QĐ-TTg ngày 3-3-1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai kế hoạch tín dụng đầu tư năm 1998.

Thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 52/1998/QĐ-TTg ngày 3-3-1998 về việc triển khai kế hoạch tín dụng đầu tư năm 1998, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn như sau:

1. Đối tượng cho vay của kế hoạch tín dụng đầu tư năm 1998.

1.1. Các dự án chuyển tiếp bao gồm:

- Các dự án được các đầu mối cho vay đã ký hợp đồng tín dụng hoặc đã cho vay từ năm 1997 trở về trước, trong kế hoạch năm 1998, ngoài số vốn đã ký hợp đồng tín dụng, và số vốn doanh nghiệp tự huy động, sẽ được bố trí kế hoạch vốn để đảm bảo tiến độ xây dựng theo dự án được duyệt. Trong trường hợp số lượng dự án chuyển tiếp lớn, khả năng nguồn vốn có hạn thì lựa chọn ưu tiên cho vay đối với các dự án có hiệu quả hơn.

- Các dự án được ghi kế hoạch năm 1997, đã được đầu mối cho vay xem xét, trong trường hợp đã ký hợp đồng tín dụng (có thể chưa giải ngân) được xác định đó là dự án chuyển tiếp để ghi kế hoạch năm 1998. Trong trường hợp chưa ký hợp đồng tín dụng hoặc từ chối ký hợp đồng tín dụng thì không được coi là dự án chuyển tiếp để ghi kế hoạch 1998. Các dự án đã bị từ chối ký hợp đồng tín dụng thì không xem xét ghi kế hoạch 1998.

1.2. Các dự án mới bắt đầu ghi kế hoạch 1998.

Nguồn vốn Nhà nước huy động được để cho vay còn hạn chế, hơn nữa nguồn vốn này chủ yếu là huy động ngắn hạn với lãi suất cao hơn để cho vay trung và dài hạn với lãi suất thấp hơn, vì vậy:

- Các dự án đầu tư mới ưu tiên cho các ngành, lĩnh vực sau đây: điện, cơ khí; sản xuất hàng xuất khẩu; đánh cá xa bờ; chế biến, nông, lâm, hải sản; cây công nghiệp dài ngày; rừng nguyên liệu và cơ sở hạ tầng giao thông; khu công nghiệp, khu đô thị mới có thu phí và có khả năng hoàn vốn.

Những dự án thuộc các ngành và lĩnh vực khác (không nêu tại điểm 1.2), không thuộc diện ưu tiên vay vốn nhưng xét có hiệu quả thì tùy thuộc khả năng nguồn vốn có thể cho vay hỗ trợ một phần.

- Trên cơ sở dự án có hiệu quả, có khả năng trả nợ, ưu tiên cho các dự án thuộc các tỉnh còn có nhiều khó khăn, đặc biệt là các tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa.

- Các dự án lớn (nhóm A, B) của các Tổng công ty 91: từ nay khi quyết định dự án nhóm A, B, trước hết phải tự huy động các nguồn vốn tự có như: nguồn khấu hao cơ bản, lợi nhuận sau thuế, trái phiếu công trình, vay nước ngoài, (ngoài số vay ODA); nguồn vốn tín dụng đầu tư theo kế hoạch nhà nước chỉ cho vay hỗ trợ một phần nhỏ khi chủ đầu tư chưa huy động đủ vốn.

1.3. Vốn tín dụng đầu tư theo kế hoạch nhà nước không cho vay để góp vốn pháp định trong các dự án đầu tư liên doanh với nước ngoài, ngoại trừ những trường hợp sau đây phải có ý kiến của Thủ tướng Chính phủ:

- Dự án đầu tư liên doanh đã được cấp giấy phép nhưng vì những lý do bất khả kháng mà phía doanh nghiệp Việt Nam không thể tự mình góp đủ vốn pháp định theo tỷ lệ quy định trong giấy phép đầu tư.

- Có yêu cầu nâng cao tỷ lệ góp vốn pháp định của phía Việt Nam trong dự án đầu tư liên doanh.

1.4. Vốn tín dụng đầu tư theo kế hoạch nhà nước không cho vay để đảo nợ đối với các khoản vay trung và dài hạn do doanh nghiệp nhà nước đã ký hợp đồng với các tổ chức tín dụng. Trường

hợp do sử dụng các nguồn vốn khác của doanh nghiệp, và do bên B tạm ứng trước thì được xem xét cho vay để hoàn trả.

2. Lãi suất cho vay.

- Lãi suất cho vay bằng đồng Việt Nam là 0,81%/tháng.

- Vay vốn để nhập khẩu vật tư thiết bị phục vụ đầu tư cho các dự án được vay bằng ngoại tệ, với lãi suất cố định 8,5%/năm. Trong kế hoạch 1998 phải ghi rõ trong tổng số vốn được vay có khoản vay bằng ngoại tệ này.

3. Thời hạn trả nợ.

Theo quy định tại Điều 3 Quyết định số 52/1998/QĐ-TTg, trường hợp đặc biệt phương án trả nợ không thể thực hiện được trong phạm vi 10 năm, các Bộ, Ủy ban Nhân dân tỉnh, Tổng công ty 91 báo cáo sớm về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để xem xét và trình Thủ tướng Chính phủ quyết định. Các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép thời hạn trả nợ trên 10 năm thì tiếp tục được thực hiện.

4. Thế chấp vay vốn.

Tất cả các dự án đầu tư của các doanh nghiệp trong và ngoài quốc doanh khi đã được ghi kế hoạch tín dụng đầu tư của Nhà nước, đều được phép lấy tài sản hình thành bằng vốn vay để bảo đảm nợ vay. Trong thời gian chưa trả hết nợ, các doanh nghiệp không được chuyển nhượng, mua, bán hoặc thế chấp đối với các tài sản thuộc vốn vay tín dụng đầu tư theo kế hoạch nhà nước.

5. Thủ tục đầu tư.

Tất cả các dự án đầu tư ghi kế hoạch tín dụng đầu tư năm 1998 phải làm đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định tại Nghị định số 42-CP và số 92-CP của Chính phủ, đối với doanh nghiệp nhà nước và các văn bản pháp quy đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh trước ngày 1 tháng 3 năm 1998.

6. Giao kế hoạch và điều hành thực hiện kế hoạch.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao kế hoạch vay vốn cho từng dự án nhóm A, danh mục dự án nhóm B (không ghi vốn) và giao tổng số vốn cho các dự án thuộc nhóm B và C.

Các Bộ, Ủy ban Nhân dân tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương, các Tổng công ty 91 bố trí vốn cho từng dự án nhóm B và C; đăng ký với Bộ Kế hoạch và Đầu tư để kiểm tra, theo dõi, đồng thời đăng ký với Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam, Tổng cục Đầu tư Phát triển để xem xét cho vay.

Việc điều chỉnh kế hoạch vay vốn chỉ thực hiện 1 lần vào quý III năm 1998. Theo yêu cầu của các Bộ, Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét và điều chỉnh vốn dự án nhóm A, danh mục dự án nhóm B. Các Bộ và Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố điều chỉnh mức vốn vay dự án nhóm B, danh mục và vốn các dự án nhóm C.

7. Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Trong quá trình thực hiện có những vấn đề mới phát sinh, đề nghị các Bộ, Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố, Tổng công ty 91 phản ánh về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để nghiên cứu giải quyết.

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư

TRẦN XUÂN GIÁ

BỘ TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ số 38/1998/TT-BTC ngày 30-3-1998 hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán ngân sách nhà nước cho bồi thường thiệt hại do công chức, viên chức nhà nước, người có thẩm quyền của cơ quan nhà nước, cơ quan tiến hành tố tụng gây ra.

Căn cứ Nghị định số 47-CP ngày 3-5-1997 của Chính phủ về việc giải quyết bồi thường thiệt hại do công chức, viên chức nhà nước, người có thẩm quyền của cơ quan nhà nước, cơ quan tiến hành tố tụng gây ra.

Căn cứ Nghị định số 87-CP ngày 19-12-1996 của Chính phủ quy định chi tiết việc phân cấp quản lý, lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước.

Căn cứ Nghị định số 178-CP ngày 28-10-1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Tài chính.

Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán ngân sách cho việc bồi thường thiệt hại do công chức, viên chức nhà nước, người có thẩm quyền của cơ quan nhà nước, cơ quan tiến hành tố tụng (dưới đây gọi tắt là công chức, viên chức) gây ra như sau:

1. Lập dự toán ngân sách cho việc bồi thường thiệt hại do công chức, viên chức nhà nước, người có thẩm quyền của cơ quan nhà nước, cơ quan tiến hành tố tụng gây ra:

Hàng năm, căn cứ vào chế độ, định mức, tiêu chuẩn chi tiêu ngân sách hiện hành của cơ quan nhà nước và tình hình thu, chi ngân sách cho hoạt động bồi thường thiệt hại do công chức, viên chức gây ra của các năm trước, cơ quan tài chính lập dự toán cho phần bồi thường thiệt hại do công chức, viên chức gây ra và tổng hợp vào mục chi dự phòng của ngân sách cấp mình.

2. Sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cho bồi hoàn thiệt hại do công chức, viên chức nhà nước, người có thẩm quyền của cơ quan nhà nước, cơ quan tiến hành tố tụng gây ra:

Khi phát sinh trường hợp phải bồi thường thiệt hại, căn cứ vào kết luận của Hội đồng xét giải quyết bồi thường thiệt hại và các hồ sơ, chứng từ kèm theo mà cơ quan nhà nước, cơ quan tiến hành tố tụng nộp, cơ quan tài chính cùng cấp thực hiện việc cấp phát kinh phí cho việc bồi thường thiệt hại theo hình thức lệnh chi tiền.